

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **395/2022/HS-ST**

Ngày: 13/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phi Hồ

Bà Vương Thị Khánh Loan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai*** tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 369/2022/HSST ngày 17/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/QĐXXST-HS ngày 26/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Khắc Hữu Đ**; Tên gọi khác: Không

Giới tính: Nam; Sinh năm: 1996; Nơi sinh: tỉnh Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú tại: 26/45, khu phố 8, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 07/12.

Họ tên cha: Phan Khắc P, sinh năm 1972 (Còn sống);

Họ tên mẹ: Khổng Thị Q, sinh năm 1974 (Còn sống);

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Vợ con: Không có.

Tiền án:

- Ngày 30/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Ngày 11/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Quyết định tổng hợp hình phạt số 05/QĐ.THHP, ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai buộc Phan Khắc Hữu Đan phải chấp hành hình phạt chung là 19 tháng tù giam; Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/01/2019.

- Ngày 25/3/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (Trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/5/2021.

Tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/4/2022, đến ngày 30/4/2022 chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 535/LTG ngày 30/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- Bị hại:

1/Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1989

Địa chỉ: 4/120, tổ 29A, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2/Trường Mầm non Tam Hiệp, thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thanh H – Hiệu trưởng trường Mầm non T

(Bị cáo có mặt; bị hại có mặt; bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/4/2022, Đ sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 60B9-249.16 đi từ phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến nhà người quen tại khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chơi. Khi đi đến Công viên 30/4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Đ gặp H (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn cùng chơi game của Đ, H rủ Đ đến cửa hàng điện thoại gần chợ Phúc Hải để mua điện thoại nhưng do cửa hàng đông người nên Đ rủ H đến nhà người quen tại phường T, thành phố B chơi thì H đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển số 60B9-249.16 chở H đi vào đường nội bộ cư xá Phúc Hải. Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1989, địa chỉ 4/120, tổ 29A, khu phố 6, phường T, thành phố B, phát hiện cửa cổng mở, trên bàn để ở sân nhà chị S đặt một chiếc túi xách bên trong đựng số tiền 21.908.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm linh tám nghìn đồng), một chiếc điện thoại di động Iphone 8, một giấy đăng ký xe và một giấy phép lái xe mô tô của chị S không có người trông coi. H rủ Đ quay lại trộm cắp tài sản trên thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô quay lại, dừng trước cổng nhà, H xuống xe

đi vào trong lén lút lấy chiếc túi xách rồi lên xe Đ đang chờ sẵn tẩu thoát về hướng phường T, thành phố B. Trên đường đi H chia cho Đ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tiền trộm cắp được có trong túi xách, số tiền còn lại cùng chiếc điện thoại Iphone 8 thì H cất giữ, chiếc túi xách H đã vứt bỏ trên đường (không rõ địa điểm). Sau đó, Đ chở H quay lại Công viên 30/4, H xuống xe còn Đ đi về phường T, thành phố B để chơi. Số tiền trộm cắp có được Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Qua rà soát, Công an phường T, thành phố B xác định được Phan Khắc Hữu Đ là người điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60B9-249.16 chở đối tượng H thực hiện hành vi phạm tội nên đưa Đ cùng chiếc xe mô tô trên về trụ sở để làm việc. Sau đó, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền. Tại cơ quan điều tra, Phan Khắc Hữu Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

* Vật chứng vụ án gồm:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 60B9-249.16 là tài sản của bà Khổng Thị Q (mẹ bị can Đ). Bà Q không biết Đ sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe cho bà Quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 8 có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Đối với chiếc túi xách do không rõ nhãn hiệu, model nên không đủ cơ sở để định giá.

Về dân sự:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.908.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng)

Tại bản cáo trạng số 393/CT-VKSBH ngày 17/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố bị cáo Phan Khắc Hữu Đ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Phan Khắc Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án từ 20 tháng tù giam đến 24 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Khắc Hữu Đ thừa nhận: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 19/4/2022, tại địa chỉ 4/120, tổ 29A, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phan Khắc Hữu Đ cùng đối tượng tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị S một chiếc túi xách, bên trong túi có số tiền 21.908.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng) và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tổng giá trị tài sản Đ và đồng bọn chiếm đoạt là 25.908.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Khắc Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố B đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Khắc Hữu Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bản thân bị cáo Đ là một người đã trưởng thành, có nhận thức, có đủ sức khỏe để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, mà không phải bỏ sức lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo có tiền án, chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, mà tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng: bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” (quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 21.908.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 21.908.000 đồng cho bà S nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 60B9-249.16 là tài sản của bà Không Thị Q (mẹ bị cáo Đ). Bà Q không biết Đ sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe cho bà Q là phù hợp.

Đối với đối tượng tên H, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 1.095.400 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Phan Khắc Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Khắc Hữu Đ **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 22/04/2022.

Về phần dân sự: áp dụng Điều 468; 584; 585 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phan Khắc Hữu Đ phải bồi thường số tiền 21.908.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị S.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Phan Khắc Hữu Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 1.095.400 đồng (một triệu không trăm chín mươi năm nghìn, bốn trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trần Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Hòa Trần Chính

Nguyễn Trần Nhàn

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Công an TP.Biên Hòa (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Thiều Thị Phi Loan

Nguyễn Thái Hòa

Nguyễn Trần Nhàn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 10 tháng 6 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh và bà Thiều Thị Phi Loan.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 280/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Thị Kim Dung**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1986 tại Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố Long Khánh 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12;

Họ tên cha: Dương Văn Hưởng - Sinh năm 1959 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Hoa - Sinh năm 1961 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo có 02 con chung với anh Lưu Huyền Đức, con lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2012. Bị cáo và anh Đức đã ly hôn.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 25/11/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 1595 ngày 03/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Thị Kim Dung phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ

luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Thị Kim Dung: năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2020.

4. Về các vấn đề khác:

Biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số 2718/KLGD - PC09 ngày 30/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai - là số lượng ma túy còn lại sau giám định.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, số Imai: 869002030904177 cho bị cáo Nguyễn Thị Kim Dung do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Vật chứng này được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa).

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Kim Dung được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Thiều Thị Phi Loan

Trần Văn Chánh

Đồng Thị Hồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:11/2018/HSST-QĐ

Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁴⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh và bà Nguyễn Thị Nhạn

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm quốc Cường đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh Tuấn và anh Cường cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện gây án bị cáo khai tại cơ

quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn Phú** (Tên gọi khác: Hiền); Sinh năm 1989;

Bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Nơi nhận:

- VKS TP.Biên Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

